**Thứ Ba ngày 10 tháng 12 năm 2024**

**Buổi chiều**

**TOÁN**

**TIẾT 66, BÀI 45: LUYỆN TẬP CHUNG (T1) – TRANG 95, 96**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Vận dụng quy tắc tính giá trị biểu thức đã học.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Tự học, tự nghiên cứu bài. Cùng bạn bè trao đổi, chia sẻ để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Góp phần bồi dưỡng tính chăm chỉ, hợp tác và trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4P** | **1. Hoạt động mở đầu** | |
| - GV tổ chức trò chơi “Hái táo” để khởi động bài học.  + Câu 1: 97 – 17 + 20 = ...?  + Câu 2: 6 × 3 : 2 = ...?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + HS trả lời  - HS lắng nghe. |
| **28P** | **2. Luyện tập***:* | |
|  | **Bài 1. Tính giá trị của biểu thức sau**  - Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài tập  **-** GV cho HS làm bài.   |  | | --- | | a) 948 – 429 + 479 | | 424 : 2 × 3 | | b) 750 – 101 × 6 | | 100 : 2 : 5 | | c) 998 – (302 + 685) | | ( 421 – 19) × 2 |   - Mời HS nhận xét, bổ sung  - GV chữa bài, nhận xét - đánh giá.  a) 948 – 429 + 479 = 998  424 : 2 × 3 = 636  b) 750 – 101 × 6 = 144  100 : 2 : 5 = 10  c) 998 – (302 + 685) = 11  ( 421 – 19) × 2 = 804  - Khuyến khích HS nêu quy tắc tính giá trị biểu thức.  **Bài 2: Đặt tính rồi tính**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  - GV cho HS làm bài.   |  |  | | --- | --- | | (300 + 70) + 500 | (178 + 214) + 86 | | 300 + (70 + 500) | 178 + (214 + 86) |   - Yêu cầu HS nhận xét.  - GV nhận xét từng bài, tuyên dương.  (300 + 70) + 500 = 870  300 + (70 + 500) = 870  (178 + 214) + 86 = 478  178 + (214 + 86) = 478  - GV hỏi:  + Nhận xét về giá trị của các biểu thức trong từng cột ở phần a?  + Các biểu thức này có đặc điểm gì?  + Nêu điểm giống và khác nhau của 2 phép tính cùng cột?  - Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét chốt đáp án đúng  + Giá trị của các biểu thức trong từng cột đều bằng nhau.  + Các biểu thức đều chỉ chứa dấu cộng và đều có dấu ngoặc.  + Các số hạng trong các phép tính ở từng cột giống nhau. Vị trí dấu ngoặc của các phép tính trong cột khác nhau.  => Trong các biểu thức chỉ chứa dấu cộng, giá trị của biểu thức như thế nào khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc?  - GV chốt đáp án đúng: Trong các biểu thức chỉ chứa dấu cộng, giá trị của biểu thức không thay đổi khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc.  - GV yêu cầu HS lấy ví dụ tương tự các biểu thức ở câu a.  - Nêu kết quả của phép tính: 123 + (45 +300)  - GV nhận xét: 123 + (45 +300) = 468  - Ta có thể biết kết quả phép tính (123 + 45) +300 mà không cần thực hiện tính không? Bằng bao nhiêu? Vì sao em biết?  - GV nhận xét: (123 + 45)+300= 468. Vì trong các biểu thức chỉ chứa dấu cộng, giá trị của biểu thức không thay đổi khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc.  **Bài 3. Đặt tính rồi tính (Làm việc cá nhân).**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  - GV cho HS làm bài.   |  |  | | --- | --- | | (2 × 6 ) × 4 | (8 × 5) × 2 | | 2 × (6 × 4) | 8 × (5 × 2) |   - Yêu cầu HS nhận xét  - GV nhận xét từng bài, tuyên dương.  (2 × 6 ) × 4= 48  2 × (6 × 4) = 48  (8 × 5) × 2= 80  8 × (5 × 2)= 80  - GV hỏi:  + Nhận xét về giá trị của các biểu thức trong từng cột ở phần a?  + Các biểu thức này có đặc điểm gì?  + Nêu điểm giống và khác nhau của 2 phép tính cùng cột?  - Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận:  + Giá trị của các biểu thức trong từng cột đều bằng nhau.  + Các biểu thức đều chỉ chứa dấu nhân và đều có dấu ngoặc.  + Các thừa số trong các phép tính ở từng cột giống nhau. Vị trí dấu ngoặc của các phép tính trong cột khác nhau.  => Trong các biểu thức chỉ chứa dấu nhân, giá trị của biểu thức như thế nào khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc?  - GV kết luận: Trong các biểu thức chỉ chứa dấu nhân, giá trị của biểu thức không thay đổi khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc.  - GV yêu cầu HS lấy ví dụ tương tự các biểu thức ở câu a.  - Nêu kết quả của phép tính: 3 × (4 × 5)  => 3 × (4 × 5)= 60  - Ta có thể biết kết quả phép tính (3 × 4 ) × 5  mà không cần thực hiện tính không? Bằng bao nhiêu? Vì sao em biết?  - GV kết luận: Vì trong các biểu thức chỉ chứa dấu nhân, giá trị của biểu thức không thay đổi khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc. | - HS nêu yêu cầu  - HS quan sát bài tập,làm vào nháp.  - 3 HS làm bảng lớp.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và thực hiện  - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài vào nháp. 2 HS làm bảng lớp.  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  + HS trả lời  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS tự nêu ví dụ.  - HS nêu  - HS trả lời.  - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài vào nháp. 2 HS làm bảng lớp.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS tự nêu ví dụ.  - HS nêu  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS lắng nghe  **(HSKT-THÀNH:**  **1. Điền vào chỗ trống:**  **20;......,......,17,......,.....,14,13,....,11**  **10,.....,.....,7,6,5,....,....,2,1**  **2. Tính:**  **13+4= 15+2=**  **15+5= 15+1=**  **14-1= 14-2=**  **15-2= 16-3=**  **2+4= 4+3=**  **4+5= 1+7=**  **8-1= 5-3=)** |
| **3P** | **3. Hoạt động nối tiếp** | |
|  | - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” tìm kết quả của các biểu thức  + 40 + 80 : 4 = ....  + (3 × 3) × 2 = ...  + 3 × ( 3 × 2) = ...  + ( 5 + 3 ) × 2 = ...  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | - HS chơi các nhân.  + Ai nhanh, đúng được khen.  + HS tham gia trò chơi |
|  | **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ............................................................................................................................  ............................................................................................................................  ............................................................................................................................ | |